

Năm học 2022-2023  
Tuần 33  
Tiết: 99

Họ và tên giáo viên: Tô Thị Linh

## CHƯƠNG 7. CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN

### BÀI 22. DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ

Thời lượng: dạy 1 tiết

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Về kiến thức

- Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.
- Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.
- Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.

##### 2. Về năng lực

###### a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

###### b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
  - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr 197-199.
  - + Sử dụng biểu đồ hình 22.1 SGK tr197 để nhận xét sự thay đổi quy mô dân số thế giới.
  - + Sử dụng lược đồ hình 22.2 SGK tr198 để nhận xét sự phân bố dân cư trên thế giới.
  - + Sử dụng lược đồ hình 22.3 SGK tr199 để xác định các thành phố đông dân nhất thế giới.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: cập nhật số liệu dân số nước ta và tên các thành phố trực thuộc trung ương ở nước ta hiện nay.

##### 3. Về phẩm chất:

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về sinh vật trên Trái Đất.
- Ý thức tuyên truyền chính sách dân số của nhà nước.

#### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

##### 1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, SGV, phần thưởng.
- Lược đồ phân bố dân cư và các đô thị lớn trên thế giới.
- Hình 22.1 phóng to.

- Phần thưởng.
- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

**2. Học sinh (HS):** SGK, vở ghi, máy tính bỏ túi.

### III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

#### 1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)

**a. Mục tiêu:** Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

**b. Nội dung:** GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1.** Giao nhiệm vụ: GV chia lớp làm 2 đội tham gia trò chơi ai nhanh trí hơn: *Dựa vào hiểu biết của bản thân, mỗi đội lần lượt cử đại diện lên ghi tên 1 nước có số dân trên 100 triệu người hiện nay trong thời gian 5 phút, đội nào ghi được nhiều tên nước đúng nhất sẽ là đội chiến thắng.*

**Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi nhóm có sản phẩm, GV cho đại diện lần lượt HS các nhóm trình bày sản phẩm của mình: các nước có số dân trên 100 triệu người (năm 2020): Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Bra-xin, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Ai Cập, Băng La Đét, Ni-giê-ri-a, Mê-hi-cô, Ê-ti-ô-pi-a, Nga, Nhật Bản, Pa-ki-xtan.

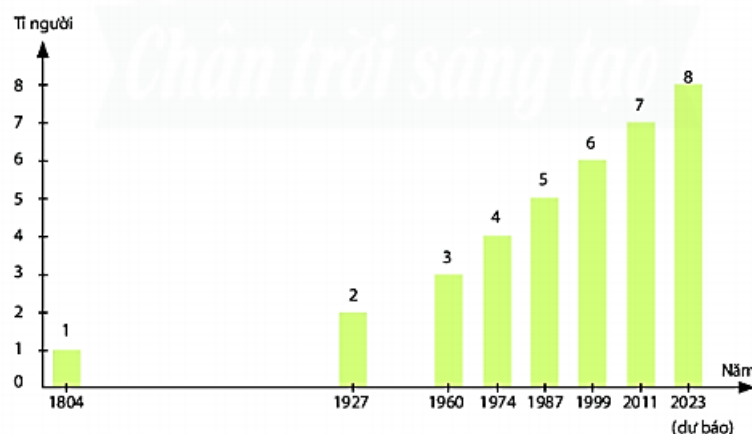
**Bước 4.** GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Hiện nay, quy mô dân số thế giới là bao nhiêu? Trong tương lai, số dân thay đổi như thế nào? Con người có phân bố đều trên Trái Đất hay không? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

#### 2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (60 phút)

##### 2.1. Tìm hiểu quy mô dân số thế giới (25 phút)

**a. Mục tiêu:** Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới

**b. Nội dung:** Quan sát hình 20.1 kết hợp kênh chữ SGK tr190, 191, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 22.1. Quy mô dân số thế giới qua các năm.

**c. Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>* GV cho HS đọc nội dung mục I SGK.</li><li>* GV treo biểu đồ hình 22.1 lên bảng.</li><li>* GV chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS quan sát hình 22.1 và thông tin trong bài, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau:<ul style="list-style-type: none"><li>- Nhóm 1, 2, 3, 4:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Quy mô dân số thế giới năm 2018 là bao nhiêu?</li><li>+ Nhận xét sự gia tăng dân số thế giới thời kì 1804-2023.</li><li>+ Vì sao dân số lại tăng nhanh sau những năm 1960?</li></ul></li><li>- Nhóm 5, 6, 7, 8:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Hậu quả do bùng nổ dân số gây ra cho các nước đang phát triển như thế nào?</li><li>+ Nêu giải pháp khắc phục.</li></ul></li></ul></li></ul> <p><b>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>* HS đọc bài.</li><li>* HS dựa vào hình 22.1, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.</li><li>* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</li></ul> <p><b>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện 2 nhóm (ví dụ: nhóm 3, nhóm 7) lần lượt lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:<ul style="list-style-type: none"><li>- Nhóm 3:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Quy mô dân số thế giới năm 2018 là 7,6 tỉ người.</li></ul></li></ul></li></ul>	<p><b>I. Quy mô dân số thế giới</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Năm 1804, dân số đạt quy mô 1 tỉ người, đến nay (2020) dân số đạt hơn 7,8 tỉ người. Dân số có xu hướng tiếp tục tăng.</li><li>- Dân số luôn biến động và tình hình gia tăng dân số có sự khác nhau giữa các quốc gia. Nhiều nước dân số tăng nhanh, ngược lại một số nước tăng rất chậm hoặc giảm.</li></ul>

+ Nhận xét: dân số tăng nhanh trong thời kì 1804-2023, thời gian dân số tăng thêm 1 tỉ người ngày càng rút ngắn, năm 1804-1927 dân số tăng 1 tỉ người mất 123 năm nhưng từ năm 1987-1999 dân số tăng thêm 1 tỉ người chỉ mất 12 năm.

+ Dân số lại tăng nhanh sau những năm 1960 do các quốc gia ở châu Á, châu Phi giành được độc lập, đời sống được cải thiện và những tiến bộ về y tế nên xảy ra bùng nổ dân số.

- Nhóm 7:

+ Hậu quả: Nhiều trẻ em ra đời gánh nặng phụ thuộc lớn, thất nghiệp, xảy ra tình trạng thiếu ăn, thiếu chỗ ở, đói nghèo, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường...

+ Giải pháp: thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, ví dụ: mỗi gia đình có từ 1-2 con.

- HS các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.

#### Bước 4. Đánh giá:

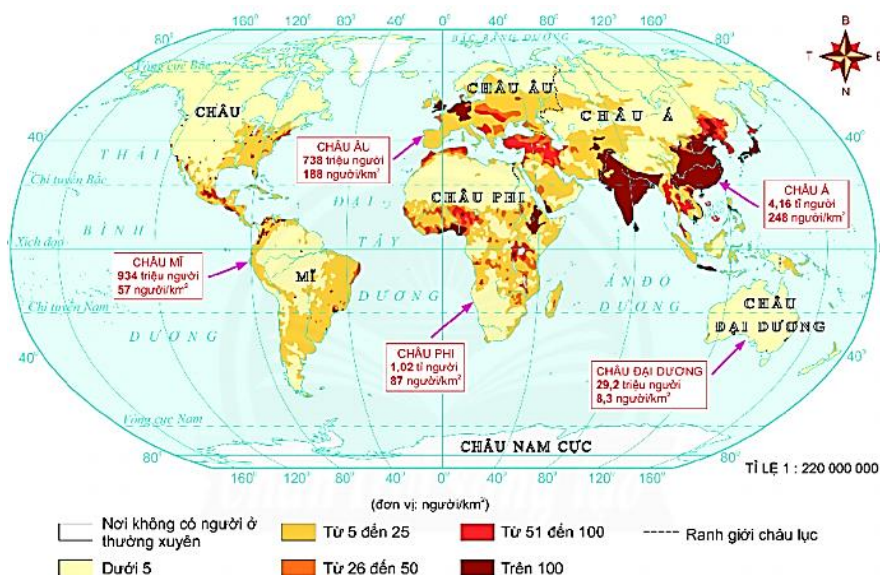
- GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

**GV mở rộng:** Hiện nay, năm 2020 dân số thế giới có hơn 7,8 tỉ người, nước có dân số đông nhất là Trung Quốc: hơn 1,4 tỉ người.

## 2.2. Tìm hiểu về phân bố dân cư (20 phút)

**a. Mục tiêu:** Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.

**b. Nội dung:** Quan sát sơ đồ hình 20.3 kết hợp kênh chữ SGK 191, 192, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 22.2. Phân bố dân cư thế giới (2018).

**c. Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>* GV gọi HS đọc nội dung mục II SGK.</li><li>* GV treo lược đồ phân bố dân cư và đô thị trên thế giới lên bảng.</li><li>* GV yêu cầu HS quan sát hình 22.2 và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:<ul style="list-style-type: none"><li>- <i>Xác định trên lược đồ các khu vực đông dân có mật độ dân số trên 100 người/km<sup>2</sup>. Vì sao dân cư tập trung đông đúc ở các khu vực này.</i></li><li>- <i>Xác định trên lược đồ các khu vực thưa dân có mật độ dân số dưới 5 người/km<sup>2</sup>. Vì sao dân cư tập trung thưa thớt ở các khu vực này.</i></li><li>- <i>Rút ra nhận xét chung về sự phân bố dân cư trên thế giới.</i></li></ul></li></ul> <p><b>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>* HS đọc bài.</li><li>* HS quan sát hình 22.2, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.</li><li>* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</li></ul> <p><b>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: (HS vừa chỉ trên sơ đồ vừa mô tả bằng lời)</li></ul>	<p><b>II. Phân bố dân cư</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Dân cư sinh sống ở hầu khắp mọi nơi phân bố không đều trên thế giới.</li><li>- Để biết tình trạng phân bố dân cư người ta căn cứ vào mật độ dân số.<ul style="list-style-type: none"><li>+ Dân cư tập trung đông đúc ở những nơi có nguồn nước dồi dào, khí hậu và giao thông thuận lợi,...</li><li>+ Dân cư thưa thớt ở những vùng hoang mạc, vùng lạnh giá gần cực, điều kiện sống khó khăn.</li></ul></li></ul>

- Các khu vực đông dân trên 100 người/km<sup>2</sup>: Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á, Tây Âu, Tây Phi...
- Các khu vực thưa dân dưới 5 người/km<sup>2</sup>: Bắc Phi, Bắc Á, châu Đại Dương, phía bắc Châu Mỹ và châu Âu...
- HS đọc từ dòng 2-5 SGK tr198 để giải thích nơi tập trung đông dân, thưa dân (Nội dung ghi bài).
- HS rút ra nhận xét: dân cư phân bố không đều trên thế giới.

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

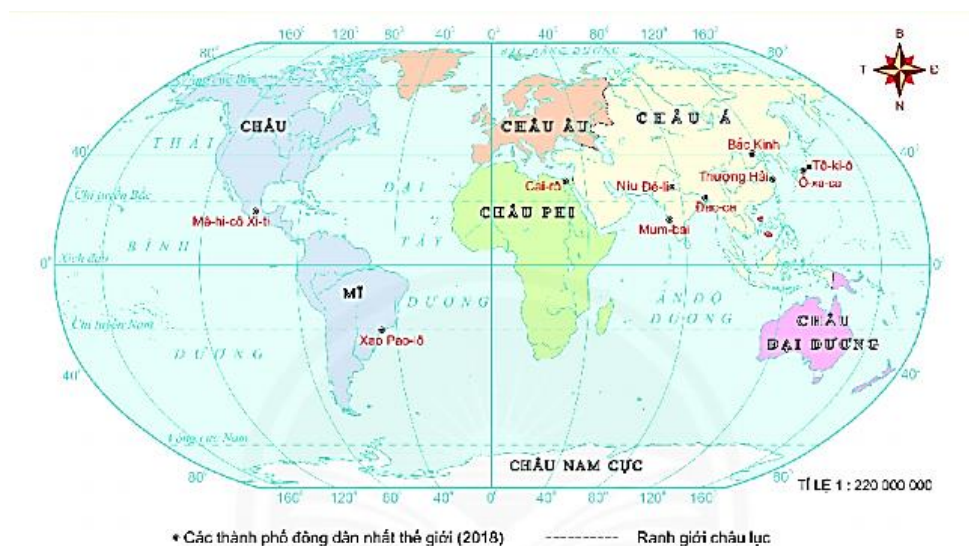
#### Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

### 2.3. Tìm hiểu về một số thành phố đông dân nhất thế giới (15 phút)

**a. Mục tiêu:** HS xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.

**b. Nội dung:** Quan sát hình 22.3 kết hợp kênh chữ SGK tr199; suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 22.3. Các thành phố đông dân nhất thế giới (2018).

**c. Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
------------------------	------------------

### **Bước 1. Giao nhiệm vụ:**

\* GV gọi HS đọc nội dung mục III SGK.

\* GV yêu cầu HS quan sát hình 22.3 và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:

- *Xác định trên lược đồ tên 10 thành phố đông dân nhất thế giới 2018.*

- *Cho biết châu lục nào có nhiều thành phố đông dân nhất thế giới 2018. Giải thích.*

- *Vì sao hiện nay phần lớn con người sống lại ở đô thị?*

### **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS đọc bài.

\* HS quan sát hình 22.3, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

### **Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

- HS xác định 10 thành phố đông dân nhất thế giới trên lược đồ: Tô-ki-ô, Ô-xa-ca, Bắc Kinh, Thượng Hải, Cai-rô, Mum-bai, Niu Đê-li, Mê-hi-cô Xi-ti, Đac-ca, Xao Pao-lô.

- Châu Á có nhiều thành phố đông dân nhất thế giới với 7/10 đô thị do châu lục này có nhiều đồng bằng lớn, nguồn nước dồi dào, lịch sử lâu đời, dân cư tập trung đông đúc nhất thế giới.

- Hiện nay con người sống ở các đô thị do điều kiện sống và giao thông thuận lợi, kinh tế phát triển, người dân dễ kiếm việc làm...

- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

### **Bước 4. Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

### **III. Một số thành phố đông dân nhất thế giới**

- Hiện nay, phần lớn con người sống ở đô thị, số lượng các siêu đô thị trên thế giới đang tăng lên.

- Một số siêu đô thị lớn: Tô-ky-ô, Thượng Hải, Mum-bai...

- Phân bố: không đều, tập trung chủ yếu ở những khu vực đông dân ở châu Á.

<b>GV mở rộng:</b> Tô-ky-ô ở Nhật Bản là thành phố đông dân nhất thế giới với số dân 37,2 triệu người.	
--	--

### 3. Hoạt động luyện tập (10 phút)

**a. Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

**c. Sản phẩm:** trả lời được câu hỏi mà GV giao.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ:** Dựa vào kiến thức đã học, em hãy trả lời các câu hỏi sau:

**Câu 1.** *Vẽ sơ đồ thể hiện các nguyên nhân tác động đến sự phân bố dân cư trên thế giới.*

**Câu 2.** *Dựa vào hình 22.2, xác định châu lục đông dân nhất và châu lục ít dân nhất.*

- HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ trả lời câu hỏi.

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**

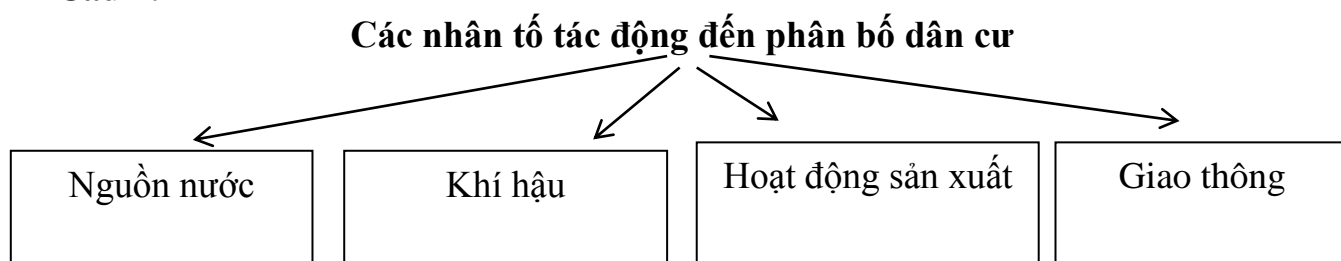
\* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

**Câu 1.**



**Câu 2.** Châu lục đông dân nhất là châu Á, châu lục thưa dân nhất là châu Đại Dương.

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4. Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

### 4. Hoạt động vận dụng (10 phút)

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

**c. Sản phẩm:** trả lời được câu hỏi mà GV giao.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ:** Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy trả lời các câu hỏi sau:

**Câu 1.** Em hãy cho biết năm 2020 dân số nước ta là bao nhiêu triệu người?

**Câu 2.** Em hãy kể tên các thành phố trực thuộc trung ương ở nước ta.

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

**Câu 1.** Dân số nước ta năm 2020 khoảng 97,6 triệu người.

**Câu 2.** Các thành phố trực thuộc trung ương ở nước ta: TPHCM, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng và Cần Thơ.

- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4. Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS

**Giáo viên**



**Tô Thị Linh**

**DUYỆT  
TỔ CHUYÊN MÔN**



Người duyệt: **Nguyễn Thị Quỳnh Thoa**

Chức vụ: Tổ trưởng chuyên môn

Đơn vị: THCS Ngô Mỹ

Thời gian ký: 12/4/2023

**NHÀ TRƯỞNG**